CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K
THANG LONG - TDK AUDITING AND EVALUATION COMPANY LIMITED

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K

Trụ sở chính: Sàn KT - Chung cư Cảnh sát 113, số 3 phố Nguyễn Như Uyên, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: 024 44 500 668 / **Fax:** 024 44 500 669
Email: thanglongkiemtoan@gmail.com / admin@thanglongtdk.com.vn
Website: http://thanglongtdk.com.vn

Scanned by TapScanner

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K

Scanned by TapScanner

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 21

Scanned by TapScanner

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm Toán TTP (Sau đây viết tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát

Công ty TNHH Kiểm Toán TTP (Được đổi tên từ Công ty TNHH Kiểm toán ASC) là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102902085 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2008 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 6 vào ngày 04 tháng 12 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của công ty đặt tại Tầng 12 – Tháp Tây – Hancorp Plaza – 72 Trần Đăng Ninh – Phường Dịch Vọng – Quận Cầu Giấy – Thành phố Hà Nội.

Chi nhánh của công ty :

- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán TTP tại Hà Nội, địa chỉ: Nhà A3BT6 Khu đô thị mới Hạ Đình, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán TTP tại TP Hồ Chí Minh, địa chỉ: 174/6 Trần Bình Trọng, P.03, Q.5, TP.HCM
- Chi nhánh Miền Bắc – Công ty TNHH Kiểm toán TTP, địa chỉ: Số 560A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thuỵ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh

+ Dịch vụ kiểm toán:
  - Kiểm toán Báo cáo tài chính;
  - Kiểm toán báo cáo tài chính vì mục đích thuế và dịch vụ quyết toán thuế;
  - Kiểm toán hoạt động;
  - Kiểm toán tuân thủ;
  - Kiểm toán nội bộ;
  - Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (kể cả Báo cáo tài chính hàng năm);
  - Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án;
  - Kiểm toán thông tin tài chính;
  - Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước.
+ Tư vấn tài chính;
+ Tư vấn thuế;
+ Tư vấn nguồn nhân lực;
+ Tư vấn ứng dụng công nghệ thông tin;
+ Tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
+ Dịch vụ kế toán;
+ Dịch vụ định giá tài sản;
+ Dịch vụ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tài chính, kế toán, kiểm toán;
+ Đào tạo trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
+ Các dịch vụ liên quan khác về tài chính, kế toán, thuế theo quy định của pháp luật;
+ Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Scanned by TapScanner

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng thành viên

Ông Lê Quang Đức	Chủ tịch	
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	
Bà Lê Phương Anh	Thành viên	
Bà Nguyễn Chi Thành	Thành viên	
Ông Hoàng Văn Khoa	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Chi Thành	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Lê Phương Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hoàng Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hoàng Kim Thùy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hoàng Thị Khánh Vân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2022
Ông Trần Tuấn Ninh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2022
Ông Tạ Huy Đăng	Giám đốc Chi nhánh tại Hà Nội	
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Giám đốc Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	
Bà Bùi Thanh Trang	Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN TTP

Nguyễn Chi Thành

Scanned by TapScanner

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K
THANG LONG - TDK AUDITING AND EVALUATION COMPANY LIMITED
Địa chỉ: Sàn KT- Chung cư cảnh sát 113- Số 3 Phố Nguyễn Như Uyên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: 024 44 500 668 / **Fax:** 024 44 500 669 / **Website:** http://thanglongtdk.com.vn
Email: thanglongkiemtoan@gmail.com / admin@thanglongtdk.com.vn

Số: 88/22/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty TNHH Kiểm Toán TTP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Kiểm Toán TTP, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2023, từ trang 6 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Scanned by TapScanner

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Kiểm Toán TTP tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TVASC Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
NGUYỄN QUÝ TRỌNG	**KIM XUÂN CƯƠNG**
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán Số: 4328-2023-045-1	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán Số: 5312-2020-045-1

Scanned by TapScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12//2022	01/01/2022
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**19.647.524.568**	**17.776.634.121**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**6.095.691.635**	**5.898.295.968**
1. Tiền	111	V.1	6.095.691.635	5.898.295.968
2. Các khoản tương đương tiền	112			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**8.887.160.089**	**11.390.385.354**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.030.825.927	7.763.951.685
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	457.800.000	55.600.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	6.475.534.162	3.570.833.669
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(77.000.000)	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	**140**	V.6	**528.394.005**	**487.952.799**
1. Hàng tồn kho	141		528.394.005	487.952.799
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**136.278.839**	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		136.278.839	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**6.476.202.258**	**5.411.243.043**
II. Tài sản cố định	**220**		**2.696.365.880**	**1.784.965.019**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2.696.365.880	1.784.965.019
- Nguyên giá	222		7.710.413.547	5.830.210.365
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(5.014.047.667)	(4.045.245.346)
V. Tài sản dài hạn khác	260		**3.779.836.378**	**3.626.278.024**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	191.836.378	38.278.024
2. Tài sản dài hạn khác	268	V.9	3.588.000.000	3.588.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**26.123.726.826**	**23.187.877.164**

Scanned by TapScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**17.235.591.706**	**14.859.758.374**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**15.391.749.379**	**13.297.412.176**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.093.172.245	1.082.318.575
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	7.505.383.252	5.442.295.379
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	536.143.124	600.454.400
4. Phải trả người lao động	314		863.153.115	796.244.951
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	2.943.897.643	4.202.970.020
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.050.000.000	923.128.851
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	400.000.000	250.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**1.843.842.327**	**1.562.346.198**
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.843.842.327	1.562.346.198
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**8.888.135.120**	**8.328.118.790**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	V.16	**8.888.135.120**	**8.328.118.790**
1. Vốn góp của chủ sỡ hữu	411		6.000.000.000	6.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.888.135.120	2.328.118.790
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.328.118.790	2.019.825.041
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		560.016.330	308.293.749
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**26.123.726.826**	**23.187.877.164**

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Mỹ Hạnh	Lê Phương Anh	Nguyễn Chi Thành

Scanned by TapScanner

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2022

Mẫu B02-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	**28.149.612.904**	**23.858.995.217**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	**10**		**28.149.612.904**	**23.858.995.217**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	VI.2	**15.512.871.146**	**14.638.474.901**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**12.636.741.758**	**9.220.520.316**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.545.507	5.272.260
7. Chi phí tài chính	22			
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	11.945.233.849	8.840.397.888
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**700.053.416**	**385.394.688**
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		33.003	27.501
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(33.003)**	**(27.501)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**700.020.413**	**385.367.187**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	140.004.083	77.073.437
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**560.016.330**	**308.293.749**

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Mỹ Hạnh	Lê Phương Anh	Nguyễn Chi Thành

Scanned by TapScanner

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**700.020.413**	**385.367.187**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	968.802.321	820.424.158
- Các khoản dự phòng	03	204.496.129	238.589.953
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.545.507)	(5.272.260)
- Chi phí lãi vay	06	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**1.864.773.356**	**1.439.109.037**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(1.710.053.574)	(3.680.560.185)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(40.441.206)	(49.475.454)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.025.406.557	4.761.175.004
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(153.558.354)	(80.671.394)
- Tiền lãi vay đã trả	14		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(67.073.437)	(78.245.659)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	**1.919.053.342**	**2.311.331.349**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.880.203.182)	(512.762.727)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.545.507	5.272.260
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(1.871.657.675)**	**(507.490.467)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	550.000.000	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(400.000.000)	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**150.000.000**	**(500.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**4.197.395.667**	**1.303.840.882**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**5.898.295.968**	**4.594.455.086**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**6.095.691.635**	**5.898.295.968**

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Mỹ Hạnh	Lê Phương Anh	Nguyễn Chí Thành

Scanned by TapScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Kiểm Toán TTP (được đổi tên từ Công ty TNHH Kiểm toán TTP) là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102902085 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2008 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 6 vào ngày 04 tháng 12 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của công ty đặt tại Tầng 12 – Tháp Tây – Hancorp Plaza – 72 Trần Đăng Ninh – Phường Dịch Vọng – Quận Cầu Giấy – Hà Nội.

Chi nhánh của công ty :

- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán TTP tại Hà Nội, địa chỉ: Nhà A3BT6 Khu đô thị mới Hạ Đình, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm Toán TTP tại TP Hồ Chí Minh, địa chỉ: 174/6 Trần Bình Trọng, P.03, Q.5, TP.HCM
- Chi nhánh Miền Bắc – Công ty TNHH Kiểm toán TTP, địa chỉ: Số 560A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thuỵ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

+ Dịch vụ kiểm toán:
  - Kiểm toán Báo cáo tài chính;
  - Kiểm toán báo cáo tài chính vì mục đích thuế và dịch vụ quyết toán thuế;
  - Kiểm toán hoạt động;
  - Kiểm toán tuân thủ;
  - Kiểm toán nội bộ;
  - Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành (kể cả Báo cáo tài chính hàng năm);
  - Kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án;
  - Kiểm toán thông tin tài chính;
  - Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước.
+ Tư vấn tài chính;
+ Tư vấn thuế;
+ Tư vấn nguồn nhân lực;
+ Tư vấn ứng dụng công nghệ thông tin;
+ Tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)
+ Dịch vụ kế toán;
+ Dịch vụ định giá tài sản;
+ Dịch vụ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tài chính, kế toán, kiểm toán;
+ Đào tạo trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán (Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép);
+ Các dịch vụ liên quan khác về tài chính, kế toán, thuế theo quy định của pháp luật;
+ Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Scanned by TapScanner

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

Scanned by TapScanner

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

12. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

14. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Scanned by TapScanner

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

i. Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

ii. Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	1.611.634.016	1.623.913.559
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.484.057.619	4.274.382.409
-Tại NH Techcombank CN Hà Thành	*3.691.216.720*	*3.439.914.071*
-Tại NH BIDV-CN Long Biên	*586.277.404*	*708.957.104*
-Tại NH TP Bank-CN HCM	*63.203.803*	*125.511.234*
-Tại NH BIDV-CN Thanh Xuân	*5.045.737*	-
-Tại NH Sacombank-CN Đống Đa	*138.313.955*	-
Cộng	**6.095.691.635**	**5.898.295.968**

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**6.030.825.927**	**7.763.951.685**
Công ty CP Constrexim số 1	540.000.000	1.620.000.000
BQL Dự án Đầu tư XD - Thanh tra Chính Phủ	120.856.102	395.680.102
Công ty CP Tập đoàn Tiến Bộ	-	220.000.000
BQL chương trình cung cấp dịch vụ Viễn thông công ích	133.612.101	538.198.101
Công ty CP Việt Tiên Sơn	119.500.000	147.000.000
Phải thu khách hàng khác	5.116.857.724	4.843.073.482
Cộng	**6.030.825.927**	**7.763.951.685**

Scanned by TapScanner

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trả trước cho người bán khác	457.800.000	55.600.000
Cộng	**457.800.000**	**55.600.000**

4. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2022 VND			1/1/2022 VND		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty CP Vinh Nam Phát	38.500.000	-	(38.500.000)	-	-	-
Công ty CP Tân Vinh Nam Phát	38.500.000	-	(38.500.000)	-	-	-
Cộng	**77.000.000**	**-**	**(77.000.000)**	**-**	**-**	**-**

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu của người lao động	207.717.726	346.171.043
Tạm ứng	6.267.816.436	3.224.662.626
Phải thu khác	-	
Cộng	**6.475.534.162**	**3.570.833.669**

6. Hàng tồn kho

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	528.394.005	487.952.799
Cộng	**528.394.005**	**487.952.799**

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	**5.084.560.173**	**745.650.192**	**5.830.210.365**
Mua trong năm	*1.880.203.182*	-	*1.880.203.182*
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	**6.964.763.355**	**745.650.192**	**7.710.413.547**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư đầu năm	**3.814.043.674**	**231.201.672**	**4.045.245.346**
Khấu hao trong năm	*845.681.439*	*123.120.882*	*968.802.321*
Số dư cuối năm	**4.659.725.113**	**354.322.554**	**5.014.047.667**
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.270.516.499	514.448.520	1.784.965.019
Tại ngày cuối năm	**2.305.038.242**	**391.327.638**	**2.696.365.880**

Scanned by TapScanner

8. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	191.836.378	38.278.024
Cộng	**191.836.378**	**38.278.024**

9. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	88.000.000	88.000.000
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	480.000.000	480.000.000
Đặt cọc đầu tư	3.020.000.000	3.020.000.000
Cộng	**3.588.000.000**	**3.588.000.000**

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải trả người bán ngắn hạn khác	2.093.172.245	1.082.318.575
Cộng	**2.093.172.245**	**1.082.318.575**

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty CP DH Phân phối Công nghiệp	250.000.000	145.000.000
Công ty CP Du lịch Thương mại Tân Sáng	-	192.500.000
Công ty CP Contech Group	100.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thị trường Hóa Chất	-	100.000.000
Công ty CP Chứng khoán Smart Invest	-	115.500.000
Công ty CP Apax Holding	205.200.000	-
Công ty CP Apax English	108.000.000	-
Công ty CP SXKD Dược và Thiết bị Y tế Việt Mỹ	150.000.000	-
Trả trước của khách hàng khác	6.692.183.252	4.889.295.379
Cộng	**7.505.383.252**	**5.442.295.379**

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
	212,685,855	
Thuế giá trị gia tăng	101.584.042	430.917.755
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.873.227	28.653.396
Thuế thu nhập cá nhân	12.685.855	140.883.249
Cộng	**536.143.124**	**600.454.400**

Scanned by TapScanner

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.943.897.643	4.202.970.020
Cộng	**2.943.897.643**	**4.202.970.020**

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả ngắn hạn khác	1.050.000.000	923.128.851
Cộng	**1.050.000.000**	**923.128.851**

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2022	Trong năm		31/12/2022
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Vay cá nhân tại chi nhánh Miền Bắc	250.000.000	550.000.000	(400.000.000)	400.000.000
Cộng	**250.000.000**	**550.000.000**	**(400.000.000)**	**400.000.000**

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**6.000.000.000**	**2.019.825.041**	**8.019.825.041**
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	308.293.749	308.293.749
Số dư cuối năm trước	**6.000.000.000**	**2.328.118.790**	**8.328.118.790**
Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	560.016.330	560.016.330
Số dư cuối năm nay	**6.000.000.000**	**2.888.135.120**	**8.888.135.120**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn điều lệ đăng ký kinh doanh	Vốn đã góp 31/12/2022	Vốn đã góp 01/01/2022
	VND	VND	VND
Vốn góp của các cá nhân	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	**6.000.000.000**	**6.000.000.000**	**6.000.000.000**

Scanned by TapScanner

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.149.612.904	23.858.995.217
Cộng	**28.149.612.904**	**23.858.995.217**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	15.512.871.146	14.638.474.901
Cộng	**15.512.871.146**	**14.638.474.901**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	8.545.507	5.272.260
Cộng	**8.545.507**	**5.272.260**

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	401.439.088	323.820.944
Chi phí nhân công	7.342.401.585	5.433.945.646
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	77.000.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	968.802.321	820.424.158
Chi phí dự phòng rủi ro nghề nghiệp	281.496.129	238.589.953
Chi phí dịch vụ mua ngoài	838.900.025	620.850.969
Chi phí khác bằng tiền	2.035.194.701	1.402.766.218
Cộng	**11.945.233.849**	**8.840.397.888**

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Scanned by TapScanner

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	700.020.413	385.367.187
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
Tổng lợi nhuận tính thuế	700.020.413	385.367.187
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	140.004.083	77.073.437
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**140.004.083**	**77.073.437**

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.049.227.412	897.173.237
Chi phí nhân công	18.254.811.268	15.609.321.606
Chi phí khấu hao tài sản cố định	968.802.321	820.424.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.112.620.666	3.516.619.135
Chi phí khác bằng tiền	3.081.974.857	2.635.334.653
Cộng	**27.467.436.525**	**23.478.872.789**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.095.691.635	5.898.295.968	6.095.691.635	5.898.295.968
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.161.543.653	8.110.122.728	6.161.543.653	8.110.122.728
Cộng	**12.257.235.288**	**14.008.418.696**	**12.257.235.288**	**14.008.418.696**
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	400.000.000	250.000.000	400.000.000	250.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	3.143.172.245	2.005.447.425	3.143.172.245	2.005.447.425
Chi phí phải trả	2.943.897.643	4.202.970.020	2.943.897.643	4.202.970.020
Cộng	**6.487.069.888**	**6.458.417.446**	**6.487.069.888**	**6.458.417.446**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Scanned by TapScanner

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

3. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho các khoản vay vào ngày 31/12/2021 và vào ngày 31/12/2022. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2021 và vào ngày 31/12/2022.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Số cuối năm	**6.487.069.888**	-	**6.487.069.888**
Các khoản vay	400.000.000	-	400.000.000
Phải trả người bán	2.093.172.245	-	2.093.172.245
Phải trả khác	1.050.000.000	-	1.050.000.000
Chi phí phải trả	2.943.897.643	-	2.943.897.643
Số đầu năm	**6.458.417.446**	-	**6.458.417.446**
Các khoản vay	250.000.000	-	250.000.000
Phải trả người bán	1.082.318.575	-	1.082.318.575
Phải trả khác	923.128.851	-	923.128.851
Chi phí phải trả	4.202.970.020	-	4.202.970.020

Scanned by TapScanner

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nhiên liệu và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục

Lập ngày 20 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Mỹ Hạnh	Lê Phương Anh	Nguyễn Chí Thành

Scanned by TapScanner